

Số: 01/2018/QĐST-TCDS

V, ngày 13 tháng 02 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 70/2017/TLST - TCDS ngày 05 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Hữu C – Sinh năm: 1947;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Cư trú): Số 68/6, Khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí M.

- *Bị đơn*: Anh Phạm An M – Sinh năm: 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Cư trú): Số nhà 658, đường An Dương Vương, tổ 2, phường Chăm Mát, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của anh M là*: Bà Phạm Thị X – Sinh năm: 1953; Địa chỉ: Xóm 1, xã Kim Thái, huyện V, tỉnh Nam Định (Theo giấy ủy quyền lập ngày 15 tháng 11 năm 2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phạm Thị T – Sinh năm: 1943; Địa chỉ: Số nhà 18, ngõ 420, đường Hạ Đình, phường Thượng Đình, quận T X, thành phố Hà Nội.

2. Chị Phạm Thị Kim P – Sinh năm: 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (cư trú): Tổ 37 A, KV4P, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định..

3. Chị Phạm Thị Hồng M – Sinh năm: 1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Cư trú): Tổ 4, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Chị Phạm Thị M Q – Sinh năm: 1981; Trú tại: Số nhà 21, ngách 3, ngõ 114, đường Trần Hưng Đạo, xóm 9, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị M và chị P, chị Q là:* Bà Phạm Thị X – Sinh năm: 1953; Địa chỉ: Xóm 1, xã Kim Thái, huyện V, tỉnh Nam Định (Theo giấy ủy quyền của chị P, chị M lập ngày 15 tháng 11 năm 2017; Giấy ủy quyền của bà T lập ngày 20/11/2017 và Giấy ủy quyền của chị Q lập ngày 30 tháng 11 năm 2017).

5. Bà Phạm Thị X – Sinh năm: 1953; Địa chỉ: Xóm 1, xã Kim Thái, huyện V, tỉnh Nam Định.

6. Bà Phạm Thị T1 – Sinh năm: 1944; Địa chỉ: Số nhà 95, phố 8/3, phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

7. Ông Phạm Quốc Th – Sinh năm 1955; Địa chỉ: Tổ 3, phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của ông Th và bà T1:* Ông Phạm Hữu C – Sinh năm: 1947; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (Cư trú): Số 68/6, Khu phố 2, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí M. (Theo giấy ủy quyền của ông Phạm Quốc Th lập ngày 08 tháng 01 năm 2018; Giấy ủy quyền của bà T1 lập ngày 06/01/2018).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C1 và cụ Phạm Văn R: Diện tích thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 240 m² thuộc tờ bản đồ số 2-II, thửa đất số 156, lập năm 2004, xã Liên M, huyện V, đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cụ Nguyễn Thị C1; đo thực tế hiện trạng diện tích đất là 262 m² do đó xác định diện tích đất thừa kế của cụ C1 và cụ R là 262 m². Diện tích đất có 02 khu (khu đất phía ngoài và khu đất phía trong), diện tích đất cụ thể như sau:

+ Khu đất phía ngoài tổng diện tích là 72 m² có các chiều:

Phía đông dài 7,2 mét giáp, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 5,3 mét giáp đất hộ bà Mùi; 01 đoạn dài 1,9 mét giáp khu đất phía trong.

Phía tây dài 6,5 mét giáp đường xóm.

Phía nam dài 11,7 mét có 02 đoạn: 01 đoạn dài 10 mét giáp đất hộ ông Khương; 01 đoạn dài 1,7 mét giáp đất hộ bà Mùi.

Phía bắc dài 11,8 mét giáp đất hộ ông Khải.

+ Khu đất phía trong tổng diện tích là 190 m² có các chiều:

Phía đông dài 13 mét giáp đất hộ bà Sơn có 02 đoạn: 01 đoạn dài 5,5 mét; 01 đoạn dài 7,5 mét.

Phía tây dài 13,3 mét, có 03 đoạn: 01 đoạn dài 10 mét giáp đất hộ ông Khải; 01 đoạn dài 1,9 mét giáp khu đất phía ngoài; 01 đoạn dài 1,4 mét giáp đất hộ bà Ngô.

Phía nam dài 15 mét giáp đất hộ bà Mùi.

Phía bắc dài 14,6 mét có 02 đoạn: 01 đoạn dài 6,7 mét giáp đất hộ bà Ngô; 01 đoạn dài 7,9 mét giáp đất hộ ông Giàng.

Trị giá đất: $262 \text{ m}^2 \times 300.000 \text{ đồng/m}^2 = 78.600.000 \text{ đồng}$.

b. Về ngõ đi C1: Thống nhất cắt ra phần diện tích đất để làm ngõ đi C1 là 41 m^2 trong tổng số diện tích đất 262 m^2 đất thừa kế, phần ngõ đi có các chiều:

Phía đông dài 1,9 mét giáp thửa đất phía đông của ông C nhận quản lý, sử dụng.

Phía tây dài 1,8 mét giáp đường xóm.

Phía nam dài 21,3 mét có 02 đoạn: 01 đoạn dài 10,1 mét giáp đất phía ngoài (phần đất còn lại của cụ C1, cụ R) và 01 đoạn dài 11,2 mét giáp đất hộ bà Mùi.

Phía bắc dài 21,3 mét, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 11,8 mét giáp đất hộ ông Khải; 01 đoạn dài 9,5 mét giáp phần đất phía tây khu đất còn lại của cụ C1 và cụ R.

Trị giá đất ngõ đi: $41 \text{ m}^2 \times 300.000 \text{ đồng/m}^2 = 12.300.000 \text{ đồng}$.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo).

c. Phần thừa kế giao ông C được hưởng:

Ông C được hưởng phần thừa kế của ông C, ông Th và bà T1 diện tích đất ở 02 khu gồm:

+ Toàn bộ khu đất phía ngoài, diện tích 50 m^2 có các chiều:

Phía đông dài 5,3 mét giáp đất hộ bà Mùi.

Phía tây dài 4,7 mét giáp đường xóm.

Phía nam 10 mét giáp hộ ông Khương.

Phía bắc dài 10,1 mét giáp ngõ đi C1 của 02 hộ vào khu đất phía trong ông C đề nghị được hưởng.

+ Phần diện tích đất về phía đông (khu đất phía trong) của thổ đất nơi có 02 gian nhà thờ gốc có diện tích là 74 m^2 , có các chiều:

Phía đông dài 13 mét giáp đất hộ bà Sơn có 02 đoạn: 01 đoạn dài 5,5 mét; 01 đoạn dài 7,5 mét.

Phía tây dài 13,2 mét, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 11,3 mét giáp phần đất còn lại của cụ C1 và cụ R; 01 đoạn dài 1,9 mét giáp ngõ đi C1 của 02 thửa đất tách ra giữa phần thừa kế của ông C, ông Th, bà T1 được hưởng và phần diện tích đất còn lại của cụ C1 và cụ R.

Phía nam dài 5,5 mét giáp đất hộ bà Mùi.

Phía bắc dài 5,5 mét giáp đất hộ ông Giáng.

Trị giá đất: $74 \text{ m}^2 \times 300.000 \text{ đồng/m}^2 = 22.200.000 \text{ đồng}$.

Trị giá đất ông C được hưởng thừa kế: $124 \text{ m}^2 \times 300.000 \text{ đồng/m}^2 = 37.200.000 \text{ đồng}$.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo).

d. Phần diện tích đất còn lại của cụ C1, cụ R: Là 97 m^2 có các chiều:

Phía đông dài 11,3 mét giáp phần diện tích đất của ông C đề nghị được hưởng thừa kế.

Phía tây dài 11,4 mét có 02 đoạn: 01 đoạn dài 10 mét giáp đất hộ ông Khải; 01 đoạn dài 1,4 mét giáp đất hộ bà Ngọ.

Phía nam 9,5 mét giáp ngõ đi C1 của 02 hộ vào khu đất phía trong ông C đề nghị được hưởng thừa kế.

Phía bắc dài 9,1 mét giáp, có 02 đoạn: 01 đoạn dài 6,7 mét giáp đất hộ bà Ngọ; 01 đoạn dài 2,4 mét giáp đất hộ ông Giáng.

Trị giá đất: $97 \text{ m}^2 \times 300.000 \text{ đồng/m}^2 = 29.100.000 \text{ đồng}$.

Diện tích đất này vẫn giữ nguyên tên người sử dụng đất là cụ Nguyễn Thị C1.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo).

e. Các vấn đề khác: Những tài sản không còn giá trị sử dụng gắn liền với diện tích đất của bên nào thì bên đó được quyền định đoạt.

f. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Hữu C được nhận thừa kế của ông C và của ông Phạm Quyết Th, bà Phạm Thị T1 nhưng hiện nay ông C, ông Th, bà T1 đều trên 60 tuổi, đều thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn án phí về phần tài sản thừa kế được hưởng.

- Bà Phạm Thị X, bà Phạm Thị T, anh Phạm Văn M, chị Phạm Thị M Q, chị Phạm Thị Hồng M, Phạm Thị Kim P không đề nghị xem xét, phân chia di sản thừa kế nên bà X, bà T, anh M, chị M, chị Q, chị P không phải nộp án phí về phần diện tích đất còn lại của cụ Nguyễn Thị C1 và cụ Phạm Văn R.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Các đương sự.
- TAND tỉnh Nam Định.
- VKSND tỉnh Nam Định.
- VKSND huyện V.
- Chi cục THADS huyện V.
- UBND xã Liên M.
- Lưu HS, VP.

Bùi Thị Gấm